

(Biểu kèm báo cáo số

/BC-SCT ngày /10/2023)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2023			Năm 2022		Tỷ lệ %			
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo so với tháng trước	Cộng dồn từ đầu năm so với kế hoạch năm	Ước tính tháng báo cáo so với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
I	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	108,000	8,597	9,954	77,192	8,529	67,889	115.78	71.47	116.70	113.70
1	Bán lẻ hàng hóa		7,166	8,220	66,077	6,848	57,811			120.02	114.30
2	Dịch vụ lưu trú		10	13	82	14	72			90.39	113.39
3	Dịch vụ ăn uống		718	840	5,630	980	4,737			85.70	118.85
4	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ vụ du lịch		5	6	45	4	39			153.01	115.84
5	Dịch vụ khác		698	875	5,359	682	5,228			128.22	102.50